

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-6-2021

V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Hải.

Bà Đặng Thị Tiềm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 466/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Tấn P, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã M, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày: Do quen biết, chị với anh Huỳnh Tấn P tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang. Hai vợ chồng chung sống hạnh P được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện tại hai vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân, cơm ai nấy ăn, quần áo ai nấy giặt, không còn quan tâm nhau đã hai năm nay. Nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị được ly hôn với chị anh P.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Nguyễn K, sinh ngày 26/4/2008 và Huỳnh Nguyễn T sinh ngày 20/02/2017, hiện đang sống với cả chị

và anh P. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kiệt, giao cho anh P nuôi dưỡng cháu An, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản - Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Tấn P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A. Cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Huỳnh Tấn P.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Huỳnh Nguyễn T sinh ngày 20/02/2017 cho chị Nguyễn Thị A chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Huỳnh Nguyễn K sinh ngày 26/4/2008 cho anh Huỳnh Tấn P chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản - nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn anh Huỳnh Tấn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị A với anh Huỳnh Tấn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã M, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61 tại quyển số 01 vào ngày 06/6/2008, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ vợ chồng giữa chị A với anh P đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo chị A trình bày chị với anh P chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện tại, hai vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân, cơm ai nấy ăn, quần áo ai nấy giặt, không còn quan tâm nhau đã hai năm nay. Riêng đối với anh Huỳnh Tấn P, từ khi được Tòa án thông báo về việc chị A ly hôn anh vẫn bỏ mặc không có ý kiến gì, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến tình cảm vợ

chồng với chị A nữa. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị A với anh P thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị A được ly hôn với anh P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị A trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Nguyễn K, sinh ngày 26/4/2008 và Huỳnh Nguyễn T sinh ngày 20/02/2017. Ly hôn chị A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, giao cho anh P nuôi dưỡng cháu K. Anh P không có ý kiến phản đối, tại bản tự khai cháu K cũng có cùng có nguyện vọng sống chung với anh P khi cha và mẹ ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Huỳnh Nguyễn T cho chị Nguyễn Thị A nuôi dưỡng, giao cháu Huỳnh Nguyễn K cho anh Huỳnh Tấn P nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị A và anh Huỳnh Tấn P không ai phải cấp dưỡng nuôi con do chị A không có yêu cầu còn anh P không có ý kiến.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị A trình bày không có, còn anh Huỳnh Tấn P vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A. Cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Huỳnh Tấn P.

2. Về con: Giao con chung Huỳnh Nguyễn T sinh ngày 20/02/2017 cho chị Nguyễn Thị A chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Huỳnh Nguyễn K sinh ngày 26/4/2008 cho anh Huỳnh Tấn P nuôi dưỡng. Chị A và anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006698 ngày 22/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTXCai Lậy;
- CCTHADSTXCai Lậy;
- UBND xã Mỹ Phước Tây, TXCai Lậy, TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

‘

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, TG

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Thị Hằng Ni

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 02 tháng 6 năm 2021.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Hải.

Bà Đặng Thị Tiềm.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 466/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc: “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Huỳnh Tấn P, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã M, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A. Cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Huỳnh Tấn P.

2. Về con: Giao con chung Huỳnh Nguyễn Tsinh ngày 20/02/2017 cho chị Nguyễn Thị A chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Huỳnh Nguyễn K sinh ngày 26/4/2008 cho anh Huỳnh Tấn P nuôi dưỡng. Chị A và anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006698 ngày 22/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 02 tháng 6 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

